

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **121/2019/HS - ST**
Ngày: 06-9-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Minh Phụng

2/ Bà Huỳnh Thị Lượng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm về phần dân sự thụ lý số 127/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2019/QĐXXST – HS ngày 14 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/HSST – QĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 giữa:

- *Bị hại:*

1. Ông Phạm Tấn R, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 31/1 đường Số 37, khu phố 8, phường LĐ, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh (đã chết).

Người đại diện hợp pháp cho bị hại Phạm Tấn R:

- Bà Nguyễn Thị Phương Ng, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 31/1 đường số 37, khu phố 8, phường LĐ, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh (vợ ông Phạm Tấn R). *Có đơn xin xét xử vắng mặt*

- Phạm Hoài N, sinh năm 1997; *Có đơn xin xét xử vắng mặt*

- Phạm Thị Phụng L, sinh năm 2001; *Có đơn xin xét xử vắng mặt*

- Phạm Trung N, sinh năm 2007;

Cùng địa chỉ: Số 31/1, đường số 37, khu phố 8, phường LĐ, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh (là các con của bị hại).

Đại diện hợp pháp cho Phạm Trung N: Bà Nguyễn Thị Phương Ng (mẹ ruột N). *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

2. Bà Bùi Thị D, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn LĐ, xã HN, huyện QN, tỉnh Quảng Bình; tạm trú: Khu phố ÔĐ, phường TH, thị xã M, tỉnh Bình Dương. *Có mặt*

3. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn PV, xã NP, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Khu phố ÔĐ, phường TH, thị xã M, tỉnh Bình Dương. *Có mặt*

- *Bị đơn dân sự:*

1. Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố BPB, phường BC, thị xã A, tỉnh Bình Dương. *Có mặt*

2. Ông Phan Văn G, sinh năm 1976; địa chỉ: Đường TG2, khu phố BT2, phường TG, thị xã A, tỉnh Bình Dương. *Có mặt*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Hoa Minh T, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố BPB, phường BC, thị xã A, tỉnh Bình Dương. *Vắng mặt.*

2. Ông Bùi Văn K, sinh năm 1983, nơi đăng ký HKTT: XD, xã DH, huyện KS, tỉnh Hòa Bình; chỗ ở: Số 21D/17, khu phố BD, phường BH, thị xã A, tỉnh Bình Dương. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn K có giấy phép lái xe ô tô hạng FC, số 740127015683 do Sở giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/01/2017 có thời hạn đến ngày 25/01/2022. Bùi Văn K làm nghề tài xế lái xe thuê cho ông Nguyễn Thành S và ông Phạm Văn G.

Khoảng 06 giờ 55 phút ngày 01/11/2018, K điều khiển xe ô tô tải biển số 61C – 347.90 lưu thông trên đường ĐT747B theo hướng đi từ vòng xoay cây xăng KH về hướng Ngã tư lộ 349. Khi lưu thông đến đoạn đường thuộc khu phố 7, phường UH, thị xã M, tỉnh Bình Dương, K điều khiển xe ô tô biển số 61C – 347.90 lưu thông không đúng làn đường, thiếu chú ý quan sát và không giữ khoảng cách an toàn với các phương tiện lưu thông cùng chiều phía trước dẫn đến va chạm từ sau tới đối với xe mô tô biển số 54XA - 0029 do ông Phạm Tấn R đang lưu thông trên làn đường dành cho xe ô tô con cùng chiều phía trước. Sau đó, K tiếp tục điều khiển xe ô tô biển số 61C – 347.90 về phía trước và tiếp tục va chạm từ phía sau tới đối với xe mô tô biển số 73G1 – 234.71 do bà Bùi Thị D điều khiển chở bà Bùi Thị H ngồi phía sau, đang dừng xe chờ đèn đỏ cùng chiều phía trước. Sau tai nạn, xe mô tô biển số 54XA - 0029 cùng ông R ngã xuống, ông R tử vong tại hiện trường; xe mô tô biển số 73G1 – 234.71 cùng bà D, bà H cùng bị ngã xuống đường làm bà D, bà H bị thương tích nặng được đưa đến bệnh viện cấp cứu.

Tại Biên bản khám nghiệm tử thi ngày 01/11/2018 và Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 890/GĐPY ngày 04/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Nguyên nhân chết của nạn nhân Phạm Tấn R do đa chấn thương, chấn thương sọ não. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 69 ngày 19/02/2019 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Bình Dương kết luận Bùi Thị D có thương tích: Chấn thương dập vỡ gan phải phân thùy VII điều trị nội khoa bảo tồn, gãy xương sườn VIII và XII phải đã cal, gãy mỏm ngang D10, D1, L1, L2, L3, L4 đã cal. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 29% (Hai mươi chín

phần trăm). Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 68 ngày 19/02/2019 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Bình Dương kết luận Bùi Thị H có thương tích: Chấn thương vùng mông – chậu trái, gãy ngành trên và dưới xương mu trái đã cal. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gãy nên là 15% (Mười lăm phần trăm).

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 11/KLTS-TTHS ngày 10/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã M, kết luận: Thiệt hại về tài sản của xe mô tô biển số 73G1 – 234.71 khi xảy ra tai nạn vào ngày 01/11/2018 là 8.530.000đ (Tám triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Xe ô tô tải ben biển số 61C – 347. 90 do ông Hoa Minh T đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ông T khai xe ô tô này ông đứng tên đăng ký xe giúp hai ông Nguyễn Thành S và ông Phạm Văn G. Ông S và ông G khai xe ô tô tải biển số 61C – 347. 90 do hai ông góp tiền mua để kinh doanh vận tải và nhờ ông T đứng tên đăng ký chủ sở hữu giúp. Ngày 01/11/2018, ông G giao xe này cho Bùi Văn K điều khiển để chở hàng hóa và gây tai nạn. Ngày 13/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M ra Quyết định xử lý vật chứng số 25 trả lại xe ô tô biển số 61C – 347. 90 cho ông G

Xe mô tô biển số 54XA – 0029 do ông Phạm Tấn R đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ngày 01/11/2018, ông R điều khiển xe đi làm và bị tai nạn. Ngày 13/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M, ra Quyết định xử lý vật chứng số 24 trả lại xe mô tô biển số 54XA – 0029 cùng với Giấy chứng nhận đăng ký xe này cho bà Nguyễn Thị Phương Ng là vợ của ông R

Xe mô tô biển số 73G1 – 234.71 do bà Bùi Thị D đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ngày 01/11/2018, bà D điều khiển xe này chở bà Bùi Thị H đi làm và bị tai nạn. Ngày 13/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M ra Quyết định xử lý vật chứng số 23 trả lại xe mô tô biển số 73G1 – 234.71 cùng với Giấy chứng nhận đăng ký xe này và Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Bùi Thị D cho bà D

Tại phiên tòa:

Ông Bùi Văn K cùng ông Nguyễn Thành S và Phạm Văn G xác định đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị Phương Ng là đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Tấn R tổng số tiền là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) và bà Ng không có yêu cầu bị cáo, các bị đơn dân sự bồi thường vấn đề gì khác.

Bị hại Bùi Thị D yêu cầu bị đơn dân sự bồi thường thiệt hại về tài sản và chi phí điều trị thương tích và tổn thất tinh thần và thiệt hại về thu nhập thực tế bị mất trong thời gian bà D điều trị thương tích với tổng số tiền 67.525.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Thành S và Phạm Văn G đã bồi thường cho bà D số tiền 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Bị hại Bà Bùi Thị H yêu cầu bị đơn dân sự bồi thường thiệt hại về chi phí điều trị thương tích và tổn thất tinh thần và thiệt hại về thu nhập thực tế bị mất trong thời gian bà H điều trị thương tích với tổng số tiền 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng). Ông Nguyễn Thành S và Phạm Văn G đã bồi thường cho bà H số tiền 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Vì vậy, bà D yêu cầu ông G và ông S tiếp tục bồi thường số tiền 54.025.000đồng. Bà H yêu cầu ông G và ông S tiếp tục bồi thường số tiền 22.500.000đồng. Yêu cầu về việc bồi thường như trên của bà D và bà H được ông G và ông S đồng ý thống nhất bồi thường.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M phát biểu ý kiến như sau:

- Về trách nhiệm hình sự, hình phạt, xử lý vật chứng trong vụ án, đã được giải quyết bằng Bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề nghị xử lý.

- Về trách nhiệm dân sự:

Do đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Tuấn R không yêu cầu các bị đơn dân sự bồi thường thêm chi phí nào khác nên không đề nghị xử lý.

Tại phiên tòa, bị hại Bùi Thị D yêu cầu các bị đơn dân sự là ông Nguyễn Thành S và ông Phạm Văn G tiếp tục bồi thường cho bà D số tiền 54.025.000đồng. Bà Bùi Thị H yêu cầu các bị đơn dân sự là ông Nguyễn Thành S và ông Phạm Văn G tiếp tục bồi thường cho bà H số tiền 22.500.000đồng. Yêu cầu như trên của bà D và bà H được ông S và ông G thống nhất. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc ông Nguyễn Thành S và ông Phạm Văn G tiếp tục bồi thường cho bà D và bà H số tiền như trên.

Tại phiên tòa, bị hại, các bị đơn dân sự và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Đối với việc xử lý trách nhiệm hình sự, quyết định hình phạt, xử lý vật chứng, đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật (*Bản án Hình sự phúc thẩm số 121/2019/HS-PT ngày 05/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương*). Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Qua điều tra đã xác định, lỗi để gây ra tai nạn dẫn đến thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của các bị hại Phạm Tuấn R, Bùi Thị D và Bùi Thị H là hoàn toàn do lỗi của Bùi Văn K (tài xế lái xe ô tô biển số 61C – 347. 90).

[4] Mặc dù xe ô tô biển số 61C – 347. 90 do ông Hoa Minh T đứng tên chủ sở hữu. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, ông T, ông S, ông G và ông K đều xác định; Xe ô tô biển số 61C1-347.90 là thuộc quyền sở hữu của ông G và ông S. Ông T được ông H và ông S nhờ đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe giúp để làm ăn được thuận lợi. Đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Bản thân Bùi Văn K là người lái xe thuê cho ông Nguyễn Thành S và ông Phạm Văn G và để xảy ra tai nạn gây thiệt hại đối với bà Bùi Thị D và bà Bùi Thị H. Vì vậy, bà H và bà D yêu cầu ông G và ông S phải bồi thường thiệt hại là phù hợp với quy định tại các Điều 584, 585, 590, 600, 601 Bộ luật Dân sự.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Văn K cùng các bị đơn dân sự là ông Nguyễn Thành S và ông Phạm Văn G đã bồi thường cho các đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Tuấn R tổng số tiền 130.000.000đồng. Hiện các đại diện hợp pháp của

bị hại Phạm Tuấn R không yêu cầu ông K, các bị đơn dân sự phải bồi thường thêm chi phí nào khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Tại phiên tòa, các bị hại Bùi Thị D, Bùi Thị H yêu cầu các bị đơn dân sự là ông Nguyễn Thành S và ông Phạm Văn G phải tiếp tục bồi thường cho bà D số tiền 54.025.000đồng, bồi thường cho bà H số tiền 22.500.000đồng. Yêu cầu của bà D và bà H được ông S và ông G đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Các bị đơn dân sự phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 30, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 584, 585, 590, 600, 601 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/. Về trách nhiệm dân sự: Buộc ông Nguyễn Thành S và ông Phạm Văn G có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà Bùi Thị D số tiền 54.025.000đồng (năm mươi bốn triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) và bà Bùi Thị H số tiền 22.500.000đồng (hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2/. Về án phí: Ông Nguyễn Thành S và ông Phạm Văn G phải liên đới nộp 3.826.000đồng (Ba triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3/. Các bị hại, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã M;
- Công an thị xã M;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Lê Văn Thiện